TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 226/2019/QĐST-DS	*Thạnh Phú, ngày 01 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 213/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn**:Ngân hàng TMCP BV.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà HM Town, NTMK, Phường 5, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật là ông Ngô Quang Tr-Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP BV

Ông Ngô Quang Tr ủy quyền cho anh Võ Minh H-Chức vụ Giám đốc Trung T Quản lý và Thu hồi nợ tham gia tố tụng.

Ông H ủy quyền cho anh Trần Bình H- Chuyên viên Thu hồi nợ hiện trường tham gia tố tụng.

*** Bị đơn**: anh Nguyễn Thành Nh, sinh năm 19xx và chị Mai Thúy T, sinh năm 19xx; cùng địa chỉ: ấp 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vào ngày 30/8/2019 anh Nh và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP BV số tiền là 2.483.698.627 đồng (trong đó nợ gốc 1.999.999.997 đồng và nợ lãi trong hạn 19.890.411 đồng; nợ lãi quá hạn 463.808.219 đồng). Anh Nh và chị T còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp

đồng tín dụng số 0188/03117 ngày 21/4/2017 kể từ ngày 25/7/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc choNgân hàng TMCP BV với mức lãi suất là 1,375%/tháng.

Trường hợp anh Nh và chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP BV được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0054/03117/01A.HĐTCQSDĐ ngày 21/4/2017 bao gồm các tài sản sau:

* Tài sản thứ 1: thửa 368, tờ bản đồ số 37 tọa lạc thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre có diện tích là 6.384,8m^2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng 6.384,8m^2, mục đích sử dụng: đất trồng lúa nước (đến ngày 30/01/2020), nguồn gốc sử dụng: nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: BG 389443, số vào số cấp GCN: CH 05647 do UBND huyện P cấp ngày 06/02/2012 cho bà Mai Thúy T.

* Tài sản thứ 2: thửa 127, tờ bản đồ số 37 tọa lạc thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre có diện tích là 664m^2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng 664m^2, mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản (đến ngày 30/01/2020), nguồn gốc sử dụng: nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AB 161968, số vào số cấp GCN: H01812 do UBND huyện P cấp ngày 01/02/2005 cho bà Mai Thúy T.

* Tài sản thứ 3: thửa 146, tờ bản đồ số 37 tọa lạc thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre có diện tích là 1.926m^2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng 6.64m^2, mục đích sử dụng: đất trồng lúa (đến ngày 15/10/2063), nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AB 161966, số vào số cấp GCN: H01814 do UBND huyện P cấp ngày 01/02/2005 cho bà Mai Thúy T.

* Tài sản thứ 4: thửa 145, tờ bản đồ số 37 tọa lạc thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre có diện tích là 2.388m^2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng 2.388m^2, mục đích sử dụng: đất trồng lúa (đến ngày 30/01/2020), nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AB 161967, số vào số cấp GCN: H01813 do UBND huyện P cấp ngày 01/02/2005 cho bà Mai Thúy T.

* Tài sản thứ 5: thửa 97, tờ bản đồ số 37 tọa lạc thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre có diện tích là 2.284,4m^2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng 2.284,4m^2, mục đích sử

dụng: đất trồng lúa nước còn lại (đến ngày 20/10/2025), nguồn gốc sử dụng: công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CD 900058, số vào sổ cấp GCN: CS09708 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 28/03/2016 cho bà Mai Thúy T.

* Tài sản thứ 6: thửa 98, tờ bản đồ số 37 tọa lạc thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre có diện tích là 2.069,1m^2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng 2.069,1m^2, mục đích sử dụng: đất trồng lúa nước còn lại (đến ngày 20/10/2025), nguồn gốc sử dụng: công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CD 900059, số vào sổ cấp GCN: CS09707 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 28/03/2016 cho bà Mai Thúy T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Nh, chị T cho Ngân hàng Bản Việt. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Nh, chị T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Bản Việt.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nh và chị T phải liên đới nghĩa vụ nộp là 40.836.986 đồng

-Ngân hàng TMCP BV được Chi Cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.134.500 đồng theo biên lai thu số 0003811 ngày 20/5/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi Cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Vân

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, T cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).